Chi tiết mã HS 8433.53.00

Mã HS	8433.53.00
Mô tả hàng hóa	Máy thu hoạch hoặc máy đập, kể cả máy đóng bó, bánh (kiện) rơm hoặc cỏ khô; máy cắt cỏ tươi hoặc cỏ khô; máy làm sạch, phân loại hoặc lựa chọn trứng, hoa quả hoặc nông sản khác, trừ các loại máy thuộc nhóm 84.37 / - Máy thu hoạch khác; máy đập: / - - Máy thu hoạch sản phẩm củ hoặc rễ
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 11:26:13
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84335300/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13747
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13747
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13747
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13052
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12993
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12993
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12993
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12993
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12993
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12993
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13047
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13047
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13047
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13047

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13047
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13047
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13048
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13048
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13048
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13048
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13048
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13048
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13051
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12999
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13007
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13007
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13007
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13007
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13007
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13007
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13038
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13038
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13038
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13038
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13038
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13038
VCFTA	2022	2022	5	VC!D13087
VCFTA	2023	2023	5	VC!E13087
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13087
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13087

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13087
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13087
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13070
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13070
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13070
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13070
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13070
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13070
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13070
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13070
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13070
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13070
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13070
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13070
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D13085
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E13085
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F13085
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13085
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13085
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13085
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D13084
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E13084
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F13084
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13084
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13084
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13084

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13064
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13064
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13064
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13064
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13064
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13064
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13064
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13072
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13072
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13072
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13072
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13072
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13072
RCEP B	2022	2022	0	B!D13072
RCEP B	2023	2023	0	B!E13072
RCEP B	2024	2024	0	B!F13072
RCEP B	2025	2025	0	B!G13072
RCEP B	2026	2026	0	B!H13072
RCEP B	2027	2027	0	B!I13072
RCEP C	2022	2022	0	C!D13072
RCEP C	2023	2023	0	C!E13072
RCEP C	2024	2024	0	C!F13072
RCEP C	2025	2025	0	C!G13072
RCEP C	2026	2026	0	C!H13072
RCEP C	2027	2027	0	C!I13072
RCEP D	2022	2022	0	D!D13071

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13071
RCEP D	2024	2024	0	D!F13071
RCEP D	2025	2025	0	D!G13071
RCEP D	2026	2026	0	D!H13071
RCEP D	2027	2027	0	D!I13071
RCEP E	2022	2022	0	E!D13075
RCEP E	2023	2023	0	E!E13075
RCEP E	2024	2024	0	E!F13075
RCEP E	2025	2025	0	E!G13075
RCEP E	2026	2026	0	E!H13075
RCEP E	2027	2027	0	E!I13075
RCEP F	2022	2022	0	F!D13072
RCEP F	2023	2023	0	F!E13072
RCEP F	2024	2024	0	F!F13072
RCEP F	2025	2025	0	F!G13072
RCEP F	2026	2026	0	F!H13072
RCEP F	2027	2027	0	F!I13072
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F12125
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G12125
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H12125
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I12125

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8433.53.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8433.53.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13747), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.